

Bản án số: 56/2022/HC-PT

Ngày 17 tháng 01 năm 2022

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 323/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2802/2021/QĐPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 – Có mặt;

- Bà Lê Thị Q, sinh năm 1970 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố P, tỉnh K;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Hồng Điệp – Trưởng Văn phòng luật sư Bùi Điệp và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt);

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Chiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thúy N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 64 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, thành phố R, tỉnh K – Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thúy N: Ông Tạ Văn T¹, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường An Thới, thành phố P, tỉnh K;

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q trình bày:

Ngày 12/9/2013, vợ chồng ông S được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.598,8 m², không ai tranh chấp. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông S khai phá từ năm 1975, trên đất có các ngôi mộ của cha ông S và mẹ liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng. Đến ngày 29/8/2017, gia đình ông nhận được Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số BO 354748 cấp ngày 12/9/2013. Lý do thu hồi: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S có một phần diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 389079 cấp ngày 02/02/2005 cho bà Huỳnh Thúy N.

Ủy ban nhân dân huyện P đã vi phạm điểm b, c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ vì đã không thông báo cho Thanh tra cùng cấp để kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông S là đúng hay sai, nếu trong vòng 30 ngày mà ông S không khiếu nại thì mới được quyền ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P.

Tại Công văn số 594/UBND-NCPC ngày 10/10/2018 của người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Về trình tự, thủ tục: Tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện P nhận được đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thúy N về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông S chồng lên thửa đất của bà N đang quản lý sử dụng. Ủy ban nhân dân huyện P tiến hành kiểm tra và kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 354748 ngày 12/9/2013 cho vợ chồng ông S là sai, đã ban hành và triển khai đến gia đình ông S biết Thông báo số 111/TB-UBND ngày 22/3/2017 về việc xem xét kiến nghị của bà N, nhưng gia đình ông S không khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông S là đúng trình tự, thủ tục quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Về nội dung: Gia đình cụ Đặng Thị T² khai khẩn, sử dụng đất từ trước năm 1975. Năm 2004, cụ T² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 851737, diện tích 12.180 m². Cùng năm này, cụ T² chuyển nhượng cho bà Lê Thị Bích L 400 m² và ông Huỳnh Văn H 1.275 m². Diện tích còn lại 10.050 m² gia đình cụ T² tiếp tục sử dụng đến năm 2012 cụ T² chết để lại cho con là ông Nguyễn Văn S thừa kế. Ông S đăng ký biến động diện tích 14.782,2 m² (tăng 4.277,2 m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004); đồng thời ông S tách đất thành 02 thửa gồm 145, diện tích 1.183,4 m² và thửa số 66, diện tích 13.598,8 m².

Giáp ranh thửa đất số 66 của ông S là thửa đất của bà Huỳnh Thúy N. Nguồn gốc trước năm 1993 do ông Lê Văn T³ sử dụng đến ngày 02/02/2005 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 398079, diện tích 13.754 m². Đến ngày 27/5/2005, ông T³ chuyển nhượng lại cho bà Huỳnh Thúy N và bà N đã được chỉnh lý biến động vào ngày 01/7/2005. Năm 2015, bà N xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì phát hiện diện tích đất của bà N giảm còn 12.459,6 m² nên có đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện P xem xét.

Qua kiểm tra đo đạc thực tế thửa đất của ông S tăng 4.277,2 m² trong đó có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N (ông S thừa nhận có một phần diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T³ chuyển nhượng lại cho bà N). Việc ông S kê khai thêm phần diện tích không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông S là không phù hợp khoản 3 Điều 38 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ nên việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 354748 cho ông Nguyễn Văn S thửa đất số 66, diện tích 13.598,8 m² là không phù hợp quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thúy N có đơn đề ngày 31/3/2021 từ chối tham gia tố tụng. Lý do bà đang khởi kiện ông S và bà Q để tranh chấp quyền sử dụng đất đang được Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã quyết định:

Căn cứ các điều 30, 32, điểm b khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tố tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai; Điểm b, khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q về việc hủy Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông S, bà Q.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2021, ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P. Vợ chồng ông bà chỉ có một thửa đất chứ không có hai thửa đất như Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày. Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N bao gồm cả đất có 10 phần mộ và 300 cọc tiêu của vợ chồng ông S, bà Q. Đất của ông bà được cấp có tọa độ rõ ràng, chỉ tăng thêm có 49 m² và có thông báo trên tivi nhưng không có ai tranh chấp nên mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị xem xét cả hai bên (ông S bà Q và bà N) đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện không hướng dẫn cho đương sự kiện vụ án dân sự mà lại giải quyết khiếu nại của bà N là không đúng. Khi giải quyết khiếu nại của bà N, Ủy ban nhân dân huyện P không triệu tập ông S, bà Q để đối thoại, làm rõ ai đúng ai sai, không chuyển hồ sơ cho Thanh tra cùng cấp mà ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa có kết luận của Thanh tra cùng cấp là không đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và Điều 87

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông S, đề nghị chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện;

Ông Trần Chiến T đề nghị xem xét cụ T² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 chỉ có 12.180 m², cụ T² đã chuyển nhượng cho bà L 400 m² và ông H 1.275 m², chỉ còn lại 10.050 m² để thừa kế cho ông S nhưng ông S đăng ký và được cấp đến 14.782,2 m² tách thành thửa đất số 145, diện tích 1.183,4 m² và thửa đất số 66, diện tích 13.598,8 m². So với diện tích cụ T² để lại thì tăng thêm đến 4.277,2 m², trong khi đất của bà N bị giảm diện tích từ 13.754 m² còn 12.459,6 m². Do đó, đề nghị bác kháng cáo của ông S, bà Q và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại khoản 1 khoản 4 Điều 34 Luật tố tụng hành chính quy định:

“1. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án xác định vụ án đó không phải là vụ án hành chính mà là vụ án dân sự và việc giải quyết vụ án này thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án giải quyết vụ án đó theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định, đồng thời thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.

...

4. Khi xét xử phúc thẩm vụ án hành chính mà xác định vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật”.

Tại mục 3 Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về trường hợp vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính vừa có đơn khởi kiện vụ án dân sự như sau: *“Trường hợp đương sự không rút đơn khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 141 của Luật Tố tụng hành chính tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án dân sự. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định”.*

[3] Trong thời gian Tòa án nhân dân tỉnh K thụ lý vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q đối với Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q đối với thửa đất số 66, diện tích 13.598,8 m², tờ bản đồ số 111, Khu phố 10, thị trấn Dương Đông, huyện P thì bà Huỳnh Thúy N cũng đã khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thúy N với

ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q đối với một phần thửa đất số 66, diện tích 13.598,8 m², tờ bản đồ số 111, Khu phố 10, thị trấn Dương Đông, huyện P và đã được Tòa án nhân dân huyện P thụ lý. Như vậy, bản chất của vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông S, bà Q với bà N đối với một phần thửa đất số 66 nêu trên. Việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết khởi kiện đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Trong khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của vụ tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thúy N với ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Q thì trong vụ án hành chính này, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận trong thửa đất số 66 của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q có 1.220,5 m² của bà Huỳnh Thúy N, tức là Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp dân sự trong vụ án hành chính là không đúng thẩm quyền, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao như đã viện dẫn trên. Do đó, cần phải hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[4] Ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 và khoản 4 Điều 34 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q;

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh K và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Q không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và mỗi người được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người theo Biên lai thu số 0000933 và Biên lai thu số 0000934 cùng ngày 12/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh K.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh K;
(đính kèm hồ sơ vụ án)
- VKSND tỉnh K;
- Cục THADS tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

